

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần											Ghi chú				
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy		Phòng	Chủ nhật	Phòng	
20	ĐH10KE2	Toán cao cấp	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền							6,7,8	A.206	9,10	A.206						
21	ĐH10KE2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh							9,10	A.206	6,7,8	A.206						
22	ĐH10KE2	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	19/10 - 23/10/2020	Đặng Quang Thu	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5	A.208						
23	ĐH10KE2	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	26/10 - 28/10/2020	Đặng Quang Thu	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208										
24	ĐH10KE2	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	29/10 - 30/10/2020	Đặng Quang Thu							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5	A.208						
25	ĐH10KE2	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	03/11 - 14/11/2020	Trần Thanh Hạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH
26	ĐH10KE3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	03/11 - 12/11/2020	Nguyễn Văn Trường	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH						
27	ĐH10KE3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			2,3,4,5	A.208												
28	ĐH10KE3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			1,2,3,4,5	A.208												
29	ĐH10KE3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Hương							1,2,3	A.208								
30	ĐH10KE3	Quản trị học	2	LT	30	8	19/11 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng	9,10	C.402					4,5	A.208								
31	ĐH10KE3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Ngô Thị Hà					6,7,8,9	A.208										
32	ĐH10KE3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Thị Hà					6,7,8,9,10	A.208										
33	ĐH10KE3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	20/11 - 24/01/2021	Lê Thị Hương	4,5	A.208							1,2,3	A.208						
34	ĐH10KE3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	20/11 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh	1,2,3	A.208							4,5	A.208						
35	ĐH10KE3	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	19/10 - 23/10/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5	A.210						
36	ĐH10KE3	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	26/10 - 28/10/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210										
37	ĐH10KE3	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	29/10 - 30/10/2020	Phạm Đình Tâm							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5	A.210						
38	ĐH10KE3	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	03/11 - 14/11/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH
39	ĐH10KE4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	03/11 - 12/11/2020	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH						
40	ĐH10KE4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			7,8,9,10	A.208												
41	ĐH10KE4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			6,7,8,9,10	A.208												
42	ĐH10KE4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Hương							6,7,8	A.208								
43	ĐH10KE4	Quản trị học	2	LT	30	10	19/11 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng	4,5	A.505					9,10	A.208								
44	ĐH10KE4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Đỗ Mai Quyên					1,2,3,4	A.208										
45	ĐH10KE4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Mai Quyên					1,2,3,4,5	A.208										
46	ĐH10KE4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	20/11 - 24/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	9,10	A.208							6,7,8	A.208						
47	ĐH10KE4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	20/11 - 24/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc	6,7,8	A.208							9,10	A.208						
48	ĐH10KE4	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	19/10 - 23/10/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5	A.301						
49	ĐH10KE4	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	26/10 - 28/10/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301										
50	ĐH10KE4	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	29/10 - 30/10/2020	Vũ Quang Hay							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5	A.301						

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần												Ghi chú			
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy	Phòng		Chủ nhật	Phòng	
82	ĐH10KE7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/11 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	1,2,3,4,5	A.301														
83	ĐH10KE7	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Phạm Quang Phương						1,2,3	A.301									
84	ĐH10KE7	Quản trị học	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Lê Hoàng			9,10	A.203		4,5	A.301									
85	ĐH10KE7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Ngô Thị Hà								6,7,8,9,10	A.301							
86	ĐH10KE7	Toán cao cấp	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Trương Thị Hương			2,3,4,5	A.301												
87	ĐH10KE7	Toán cao cấp	3	LT	45	1	25/11 - 31/01/2021	Trương Thị Hương			1,2,3,4,5	A.301												
88	ĐH10KE7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Đỗ Thị Đình					2,3,4,5	A.301										
89	ĐH10KE7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/11 - 31/01/2021	Đỗ Thị Đình					1,2,3,4,5	A.301										
90	ĐH10KE7	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	03/11 - 07/11/2020	Tiến Thị Mai			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5	A.604				
91	ĐH10KE7	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	9/11 - 11/11/2020	Tiến Thị Mai	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210										
92	ĐH10KE7	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	12/11 - 13/11/2020	Tiến Thị Mai						1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5	A.210							
93	ĐH10KE7	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	20/10 - 31/10/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH				
94	ĐH10KE8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	2	20/10 - 29/10/2020	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH						
95	ĐH10KE8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	7,8,9,10	A.301														
96	ĐH10KE8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	6,7,8,9,10	A.301														
97	ĐH10KE8	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan						6,7,8	A.301									
98	ĐH10KE8	Quản trị học	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Lê Hoàng			4,5	A.203		9,10	A.301									
99	ĐH10KE8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Trần Xuân Hào								1,2,3,4,5	A.301							
100	ĐH10KE8	Toán cao cấp	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Đặng Thị Ngoan			6,7,8,9	A.301												
101	ĐH10KE8	Toán cao cấp	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đặng Thị Ngoan			6,7,8,9,10	A.301												
102	ĐH10KE8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải					6,7,8,9	A.301										
103	ĐH10KE8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Quang Hải					6,7,8,9,10	A.301										
104	ĐH10KE8	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	03/11 - 07/11/2020	Đặng Quang Thu			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5	A.605				
105	ĐH10KE8	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	9/11 - 11/11/2020	Đặng Quang Thu	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301										
106	ĐH10KE8	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	12/11 - 13/11/2020	Đặng Quang Thu						1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5	A.301							
107	ĐH10KE8	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	20/10 - 31/10/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH		
108	ĐH10KE9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	2	01/12 - 10/12/2020	Nguyễn Văn Trường	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH						
109	ĐH10KE9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			2,3,4,5	A.302												
110	ĐH10KE9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			1,2,3,4,5	A.302												
111	ĐH10KE9	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 31/01/2021	Nguyễn Văn Tâm								1,2,3	A.302							
112	ĐH10KE9	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 10/01/2021	Lê Hoàng					9,10	C.304		4,5	A.302							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần												Ghi chú		
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy	Phòng		Chủ nhật	Phòng
170	ĐH10QTKD2	Kính tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Thu Hằng						1,2,3	A.305	4,5	A.305						
171	ĐH10QTKD2	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Phạm Thị Phương						4,5	A.305	1,2,3	A.305						
172	ĐH10QTKD2	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	2	01/12 - 05/12/2020	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5	A.602			
173	ĐH10QTKD2	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	2	07/12 - 9/12/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308									
174	ĐH10QTKD2	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	10/12 - 11/12/2020	Lê Đình Nam						1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5	A.308						
175	ĐH10QTKD2	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	17/11 - 28/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
176	ĐH10QTKD3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	17/11 - 26/11/2020	Nguyễn Văn Căn	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
177	ĐH10QTKD3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Ngô Quang Duy					7,8,9,10	A.306									
178	ĐH10QTKD3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Quang Duy					6,7,8,9,10	A.306									
179	ĐH10QTKD3	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Lý			6,7,8	A.306											
180	ĐH10QTKD3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Thị Thủy Linh						6,7,8,9	A.306								
181	ĐH10QTKD3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Thị Thủy Linh						6,7,8,9,10	A.306								
182	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thu Hà			1,2,3	A.702											
183	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thu Hà			4,5	A.702											
184	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Thu Hà			2,3,4,5	A.702											
185	ĐH10QTKD3	Kính tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Đình Trinh	9,10	A.306					6,7,8	A.306							
186	ĐH10QTKD3	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân	6,7,8	A.306					9,10	A.306							
187	ĐH10QTKD3	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	01/12 - 05/12/2020	Lê Đức Thiện			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5	A.603			
188	ĐH10QTKD3	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	07/12 - 9/12/2020	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306									
189	ĐH10QTKD3	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	10/12 - 11/12/2020	Lê Đức Thiện					1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5	A.306							
190	ĐH10QTKD3	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	17/11 - 28/11/2020	Trần Thanh Hanh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
191	ĐH10QTKD4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	17/11 - 26/11/2020	Nguyễn Văn Trường	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
192	ĐH10QTKD4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Khuất Thị Nga						2,3,4,5	A.306								
193	ĐH10QTKD4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Khuất Thị Nga						1,2,3,4,5	A.306								
194	ĐH10QTKD4	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Lệ Hằng			1,2,3	A.306											
195	ĐH10QTKD4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Oanh					1,2,3,4	A.306									
196	ĐH10QTKD4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Bùi Thị Oanh					1,2,3,4,5	A.306									
197	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Vũ Ngọc Phan						6,7,8	A.701								
198	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Vũ Ngọc Phan						9,10	A.701								
199	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Ngọc Phan						6,7,8,9	A.701								
200	ĐH10QTKD4	Kính tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Đình Trinh	4,5	A.306					1,2,3	A.306							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần												Ghi chú	
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy	Phòng		Chủ nhật
232	ĐH10QTKD6	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	01/12 - 05/12/2020	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.606		
233	ĐH10QTKD6	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	07/12 - 9/12/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302								
234	ĐH10QTKD6	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	10/12 - 11/12/2020	Lê Đình Nam							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.302				
235	ĐH10QTKD6	Giáo dục quốc phòng 3	2	TH	60	2	17/11 - 28/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH
236	ĐH10QTKD7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Nguyễn Văn Trường	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH				
237	ĐH10QTKD7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Ngô Quang Duy			2,3,4,5	A.310										
238	ĐH10QTKD7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Quang Duy			1,2,3,4,5	A.310										
239	ĐH10QTKD7	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Đỗ Thị Bình	1,2,3	A.310												
240	ĐH10QTKD7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng	4,5	A.310			1,2,3	A.310								
241	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Loan							6,7,8	A.701						
242	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Loan							9,10	A.701						
243	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Loan							6,7,8,9	A.701						
244	ĐH10QTKD7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Tuấn Anh				1,2,3	A.310			4,5	A.310					
245	ĐH10QTKD7	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Ánh Tuyết				4,5	A.310	4,5	A.310							
246	ĐH10QTKD7	Quản trị học	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Thị Ánh Tuyết				1,2,3,4,5	A.310									
247	ĐH10QTKD7	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	29/12 - 03/01/2021	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5	A.601				
248	ĐH10QTKD7	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	04/01 - 06/01/2021	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601								
249	ĐH10QTKD7	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	07/01 - 8/01/2021	Lê Đình Nam							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5	A.601				
250	ĐH10QTKD7	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	15/12 - 26/12/2021	Trần Thanh Hạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH
251	ĐH10QTKD8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH				
252	ĐH10QTKD8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Ngô Quang Duy			7,8,9,10	A.310										
253	ĐH10QTKD8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Quang Duy			6,7,8,9,10	A.310										
254	ĐH10QTKD8	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Liên	6,7,8	A.310												
255	ĐH10QTKD8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Hoàng Trường Giang Tống Hưng Tâm	9,10	A.310					6,7,8	A.310						
256	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Đỗ Thị Thu Nga							1,2,3	A.708						
257	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Đỗ Thị Thu Nga							4,5	A.708						
258	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Thị Thu Nga							2,3,4,5	A.708						
259	ĐH10QTKD8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Văn Dung				6,7,8	A.310			9,10	A.310					
260	ĐH10QTKD8	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân				9,10	A.310	9,10	A.310							
261	ĐH10QTKD8	Quản trị học	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân				6,7,8,9,10	A.310									
262	ĐH10QTKD8	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	29/12 - 03/01/2021	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5	A.602				

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần												Ghi chú			
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy	Phòng		Chủ nhật	Phòng	
386	ĐH10BDS1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/10 - 03/01/2021	Nguyễn Anh							1,2,3,4,5	A.303								
387	ĐH10BDS1	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Tổng Thị Thu Hòa					1,2,3	A.303										
388	ĐH10BDS2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhân							1,2,3	CS1								
389	ĐH10BDS2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Vũ Thị Thanh Thủy				7,8,9,10	A.303											
390	ĐH10BDS2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Vũ Thị Thanh Thủy				6,7,8,9,10	A.303											
391	ĐH10BDS2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	6,7,8	A.303														
392	ĐH10BDS2	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Trọng Trường Sơn									6,7,8	A.303						
393	ĐH10BDS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hào					9,10	A.303			9,10	A.303						
394	ĐH10BDS2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9	A.303								
395	ĐH10BDS2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9,10	A.303								
396	ĐH10BDS2	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc					6,7,8	A.303										
397	ĐH10BDS3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm									8,9,10	CS1						
398	ĐH10BDS3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng					2,3,4,5	A.304										
399	ĐH10BDS3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng					1,2,3,4,5	A.304										
400	ĐH10BDS3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy							1,2,3	A.304								
401	ĐH10BDS3	Xã hội học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Đinh Thị Thanh Huyền							4,5	A.304	4,5	A.304						
402	ĐH10BDS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 10/01/2021	Đào Thị Thủy Linh	2,3,4,5	A.304														
403	ĐH10BDS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	19/10 - 10/01/2021	Đào Thị Thủy Linh	1,2,3,4,5	A.304														
404	ĐH10BDS3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền					2,3,4,5	A.304										
405	ĐH10BDS3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền					1,2,3,4,5	A.304										
406	ĐH10BDS3	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải									1,2,3	A.304						
407	ĐH10BDS4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên							8,9,10	CS1								
408	ĐH10BDS4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng					7,8,9,10	A.304										
409	ĐH10BDS4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng					6,7,8,9,10	A.304										
410	ĐH10BDS4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tâm							6,7,8	A.304								
411	ĐH10BDS4	Xã hội học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Đào Đình Đức							9,10	A.304	9,10	A.304						
412	ĐH10BDS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 10/01/2021	Lưu Thị Bích Phượng	6,7,8,9	A.304														
413	ĐH10BDS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	19/10 - 10/01/2021	Lưu Thị Bích Phượng	6,7,8,9,10	A.304														
414	ĐH10BDS4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn					6,7,8,9	A.304										
415	ĐH10BDS4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đàm Thanh Tuấn					6,7,8,9,10	A.304										
416	ĐH10BDS4	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Thị Đình									6,7,8	A.304						

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần											Ghi chú			
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy		Phòng	Chủ nhật	Phòng
448	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							1,2,3	A.710							
449	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							4,5	A.710							
450	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							2,3,4,5	A.710							
451	ĐH10QTKS3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải									6,7,8,9	C.301					
452	ĐH10QTKS3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Quang Hải									6,7,8,9,10	C.301					
453	ĐH10QTKS4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy			8,9,10	CS1											
454	ĐH10QTKS4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng							2,3,4,5	C.102							
455	ĐH10QTKS4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng							1,2,3,4,5	C.102							
456	ĐH10QTKS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Thị Thủy Linh									2,3,4,5	A.108					
457	ĐH10QTKS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đào Thị Thủy Linh									1,2,3,4,5	A.108					
458	ĐH10QTKS4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan	2,3,4,5	C.308													
459	ĐH10QTKS4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan	1,2,3,4,5	C.308													
460	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									6,7,8	A.804					
461	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									9,10	A.804					
462	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà									6,7,8,9	A.804					
463	ĐH10QTKS4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan			2,3,4,5	C.309											
464	ĐH10QTKS4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Bích Lan			1,2,3,4,5	C.309											
465	ĐH10QTKS5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên							1,2,3	CS1							
466	ĐH10QTKS5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng					7,8,9,10	A.501									
467	ĐH10QTKS5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng					6,7,8,9,10	A.501									
468	ĐH10QTKS5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Thị Thủy Linh			6,7,8,9	C.311											
469	ĐH10QTKS5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đào Thị Thủy Linh			6,7,8,9,10	C.311											
470	ĐH10QTKS5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương	6,7,8,9	C.309													
471	ĐH10QTKS5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Hương	6,7,8,9,10	C.309													
472	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									1,2,3	A.708					
473	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									4,5	A.708					
474	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà									2,3,4,5	A.708					
475	ĐH10QTKS5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Hoàng Yến									6,7,8,9	A.502					
476	ĐH10QTKS5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Hoàng Yến									6,7,8,9,10	A.502					
477	ĐH10SH1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan							1,2,3	A.510							Ghép DH10QTDL4
478	ĐH10SH1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh															

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần											Ghi chú		
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy		Phòng	Chủ nhật
510	ĐH10LA2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hằng						6,7,8,9	A.204							
511	ĐH10LA2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng						6,7,8,9,10	A.204							
512	ĐH10LA2	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Hồng Minh				9,10	A.508			9,10	A.204					
513	ĐH10LA3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà	1,2,3	CS1												
514	ĐH10LA3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga						7,8,9,10	A.205							
515	ĐH10LA3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga						6,7,8,9,10	A.205							
516	ĐH10LA3	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Tú				6,7,8	A.205									
517	ĐH10LA3	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Đình Đức	6,7,8	A.205												
518	ĐH10LA3	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê	9,10	A.205						4,5	A.1001					
519	ĐH10LA3	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng			6,7,8	A.205										
520	ĐH10LA3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Minh Hằng								6,7,8,9	A.205					
521	ĐH10LA3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Minh Hằng								6,7,8,9,10	A.205					
522	ĐH10LA3	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thanh			9,10	A.205	9,10	A.205								
523	ĐH10LA4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Việt Hà	8,9,10	CS1												
524	ĐH10LA4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy	2,3,4,5	A.205												
525	ĐH10LA4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy	1,2,3,4,5	A.205												
526	ĐH10LA4	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Tú				1,2,3	A.205									
527	ĐH10LA4	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Lệ Hà						1,2,3	A.205							
528	ĐH10LA4	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Thị Mạc Dung	9,10	M.201				4,5	A.205							
529	ĐH10LA4	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng			1,2,3	A.205										
530	ĐH10LA4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quỳnh								2,3,4,5	A.205					
531	ĐH10LA4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Mai Quỳnh								1,2,3,4,5	A.205					
532	ĐH10LA4	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Thu Trang (KT)			4,5	A.205	4,5	A.205								
533	ĐH10MK1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà	8,9,10	CS1												
534	ĐH10MK1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung				2,3,4,5	C.309									
535	ĐH10MK1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung				1,2,3,4,5	C.309									
536	ĐH10MK1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung						2,3,4,5	C.309							
537	ĐH10MK1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung						1,2,3,4,5	C.309							
538	ĐH10MK1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Tài Hoa								2,3,4,5	A.501					
539	ĐH10MK1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Tài Hoa								1,2,3,4,5	A.501					
540	ĐH10MK1	Kính tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc								2,3,4,5	C.309					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần											Ghi chú		
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy		Phòng	Chủ nhật
541	ĐH10MK1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc								1,2,3,4,5	C.309					
542	ĐH10MK2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm			8,9,10	CS1										
543	ĐH10MK2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung					7,8,9,10	C.309								
544	ĐH10MK2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung					6,7,8,9,10	C.309								
545	ĐH10MK2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh						6,7,8,9	C.309							
546	ĐH10MK2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh						6,7,8,9,10	C.309							
547	ĐH10MK2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư										6,7,8,9	A.501			
548	ĐH10MK2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư										6,7,8,9,10	A.501			
549	ĐH10MK2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tổng Thị Thu Hòa								6,7,8,9	C.309					
550	ĐH10MK2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Tổng Thị Thu Hòa								6,7,8,9,10	C.309					
551	ĐH10MK3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhân						8,9,10	CS1							
552	ĐH10MK3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh										7,8,9,10	A.502			
553	ĐH10MK3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh										6,7,8,9,10	A.502			
554	ĐH10MK3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế	6,7,8,9	C.311												
555	ĐH10MK3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế	6,7,8,9,10	C.311												
556	ĐH10MK3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang				6,7,8,9	C.311									
557	ĐH10MK3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang				6,7,8,9,10	C.311									
558	ĐH10MK3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh								6,7,8,9	C.311					
559	ĐH10MK3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Tuấn Anh								6,7,8,9,10	C.311					
560	ĐH10MK4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên						1,2,3	CS1							
561	ĐH10MK4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh			2,3,4,5	C.311										
562	ĐH10MK4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh			1,2,3,4,5	C.311										
563	ĐH10MK4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường	2,3,4,5	C.311												
564	ĐH10MK4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường	1,2,3,4,5	C.311												
565	ĐH10MK4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang										2,3,4,5	A.502			
566	ĐH10MK4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang										1,2,3,4,5	A.502			
567	ĐH10MK4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan								2,3,4,5	C.311					
568	ĐH10MK4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Bích Lan								1,2,3,4,5	C.311					
569	ĐH10MK5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm								1,2,3	CS1					
570	ĐH10MK5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thủy										2,3,4,5	A.503			
571	ĐH10MK5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thủy										1,2,3,4,5	A.503			

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần											Ghi chú			
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy		Phòng	Chủ nhật	Phòng
696	ĐH10C7	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh								7,8,9,10	C.304						
697	ĐH10C7	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Minh Anh								6,7,8,9,10	C.304						
698	ĐH10C7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Thị Thùy Linh	6,7,8,9	C.304													
699	ĐH10C7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đào Thị Thùy Linh	6,7,8,9,10	C.304													
700	ĐH10C7	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan						6,7,8,9	C.304								
701	ĐH10C7	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan						6,7,8,9,10	C.304								
702	ĐH10C7	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền				6,7,8	C.304										
703	ĐH10C7	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu			6,7,8,9	C.304											
704	ĐH10C7	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Dương Thị Hoài Thu			6,7,8,9,10	C.304											
705	ĐH10C7	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý						1,2,3	A.801								
706	ĐH10C7	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý						4,5	A.801								
707	ĐH10C8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhân			8,9,10	CS1											
708	ĐH10C8	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh								2,3,4,5	C.304						
709	ĐH10C8	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Minh Anh								1,2,3,4,5	C.304						
710	ĐH10C8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Trường Giang Đỗ Mai Quyên	1,2,3,4	C.304													
711	ĐH10C8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Trường Giang Đỗ Mai Quyên	1,2,3,4,5	C.304													
712	ĐH10C8	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương						2,3,4,5	C.304								
713	ĐH10C8	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Hương						1,2,3,4,5	C.304								
714	ĐH10C8	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn				1,2,3	C.304										
715	ĐH10C8	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang			2,3,4,5	C.304											
716	ĐH10C8	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang			1,2,3,4,5	C.304											
717	ĐH10C8	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý						6,7,8	A.904								
718	ĐH10C8	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý						9,10	A.904								
719	ĐH10C9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến	8,9,10	CS1													
720	ĐH10C9	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga				2,3,4,5	C.308										
721	ĐH10C9	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga				1,2,3,4,5	C.308										
722	ĐH10C9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tổng Hưng Tâm						1,2,3,4	C.308								
723	ĐH10C9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tổng Hưng Tâm						1,2,3,4,5	C.308								
724	ĐH10C9	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Diệu								2,3,4,5	C.308						
725	ĐH10C9	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu								1,2,3,4,5	C.308						
726	ĐH10C9	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Thị Hương						9,10	C.311	9,10	A.105						

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần											Ghi chú	
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy		Phòng
727	ĐH10C9	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Hải			2,3,4,5	C.308									
728	ĐH10C9	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải			1,2,3,4,5	C.308									
729	ĐH10C9	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Ngọc Khải			6,7,8	A.910									
730	ĐH10C9	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Ngọc Khải			9,10	A.910									
731	ĐH10C10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Thành					1,2,3	CS1							
732	ĐH10C10	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga					7,8,9,10	C.308							
733	ĐH10C10	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga					6,7,8,9,10	C.308							
734	ĐH10C10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Trường Giang - Tống Hưng Tâm						6,7,8,9	C.308						
735	ĐH10C10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Trường Giang - Tống Hưng Tâm						6,7,8,9,10	C.308						
736	ĐH10C10	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9	C.308					
737	ĐH10C10	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9,10	C.308					
738	ĐH10C10	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư					4,5	A.508	4,5	A.510					
739	ĐH10C10	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang			6,7,8,9	C.308									
740	ĐH10C10	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang			6,7,8,9,10	C.308									
741	ĐH10C10	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Văn Huân	1,2,3	A.801											
742	ĐH10C10	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Văn Huân	4,5	A.801											
743	ĐH10QTDL1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhân							8,9,10	CS1					
744	ĐH10QTDL1	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh						2,3,4,5	A.508						
745	ĐH10QTDL1	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh						1,2,3,4,5	A.508						
746	ĐH10QTDL1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh							2,3,4,5	A.508					
747	ĐH10QTDL1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh							1,2,3,4,5	A.508					
748	ĐH10QTDL1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan					1,2,3	A.508							
749	ĐH10QTDL1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Linh			2,3,4,5	A.508									
750	ĐH10QTDL1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Ngọc Linh			1,2,3,4,5	A.508									
751	ĐH10QTDL1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa								2,3,4,5	A.508				
752	ĐH10QTDL1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Thị Thu Hòa								1,2,3,4,5	A.508				
753	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					6,7,8	A.708							
754	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					9,10	A.708							
755	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà					6,7,8,9	A.708							
756	ĐH10QTDL2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy						1,2,3	CS1						
757	ĐH10QTDL2	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh							7,8,9,10	A.508					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần												Ghi chú			
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy	Phòng		Chủ nhật	Phòng	
789	ĐH10QTDL4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh						1,2,3,4,5	A.510									
790	ĐH10QTDL4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc														2,3,4,5	A.510	
791	ĐH10QTDL4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc														1,2,3,4,5	A.510	
792	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							6,7,8	A.910								
793	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							9,10	A.910								
794	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà							6,7,8,9	A.910								
795	ĐH10QTDL5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà			1,2,3	CS1												
796	ĐH10QTDL5	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga	7,8,9,10	A.105														
797	ĐH10QTDL5	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga	6,7,8,9,10	A.105														
798	ĐH10QTDL5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà			6,7,8,9	A.105												
799	ĐH10QTDL5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà			6,7,8,9,10	A.105												
800	ĐH10QTDL5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan								6,7,8	A.105							
801	ĐH10QTDL5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư							6,7,8,9	A.105								
802	ĐH10QTDL5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư							6,7,8,9,10	A.105								
803	ĐH10QTDL5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Gia Thọ Đình Mai Thanh														6,7,8,9	A.510	
804	ĐH10QTDL5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	21/12 - 27/12/2020	Nguyễn Gia Thọ Đình Mai Thanh														6,7,8,9,10	A.510	
805	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									1,2,3	A.801						
806	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									4,5	A.801						
807	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									2,3,4,5	A.801						
808	ĐH10QTDL6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhân	8,9,10	CS1														
809	ĐH10QTDL6	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga	2,3,4,5	A.105														
810	ĐH10QTDL6	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga	1,2,3,4,5	A.105														
811	ĐH10QTDL6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thùy Linh			1,2,3,4	A.105												
812	ĐH10QTDL6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thùy Linh			1,2,3,4,5	A.105												
813	ĐH10QTDL6	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích									1,2,3	A.105						
814	ĐH10QTDL6	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn							2,3,4,5	A.105								
815	ĐH10QTDL6	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đàm Thanh Tuấn							1,2,3,4,5	A.105								
816	ĐH10QTDL6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Đình Trinh														2,3,4,5	A.506	
817	ĐH10QTDL6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Đình Trinh														1,2,3,4,5	A.506	
818	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									6,7,8	A.802						
819	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									9,10	A.802						

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần											Ghi chú			
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy		Phòng	Chủ nhật	Phòng
820	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									6,7,8,9	A.802					
821	ĐH10QTDL7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Thành			1,2,3	CS1											
822	ĐH10QTDL7	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu			7,8,9,10	A.110											
823	ĐH10QTDL7	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu			6,7,8,9,10	A.110											
824	ĐH10QTDL7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly					6,7,8,9	A.110									
825	ĐH10QTDL7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly					6,7,8,9,10	A.110									
826	ĐH10QTDL7	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Hương	6,7,8	A.110													
827	ĐH10QTDL7	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan								6,7,8,9	A.110						
828	ĐH10QTDL7	Toán cao cấp	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đặng Thị Ngoan								6,7,8,9,10	A.110						
829	ĐH10QTDL7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh									6,7,8,9	A.506					
830	ĐH10QTDL7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Tuấn Anh									6,7,8,9,10	A.506					
831	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	1,2,3	A.701													
832	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	4,5	A.701													
833	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	2,3,4,5	A.701													
834	ĐH10QTDL8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến			8,9,10	CS1											
835	ĐH10QTDL8	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu			2,3,4,5	A.110											
836	ĐH10QTDL8	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu			1,2,3,4,5	A.110											
837	ĐH10QTDL8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung					2,3,4,5	A.110									
838	ĐH10QTDL8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung					1,2,3,4,5	A.110									
839	ĐH10QTDL8	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	1,2,3	A.110													
840	ĐH10QTDL8	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Tài Hoa								2,3,4,5	A.110						
841	ĐH10QTDL8	Toán cao cấp	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Tài Hoa								1,2,3,4,5	A.110						
842	ĐH10QTDL8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh									2,3,4,5	A.601					
843	ĐH10QTDL8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh									1,2,3,4,5	A.601					
844	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	6,7,8	A.701													
845	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	9,10	A.701													
846	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	6,7,8,9	A.701													
847	ĐH10QTDL9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến	1,2,3	CS1													
848	ĐH10QTDL9	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thủy					7,8,9,10	A.105									
849	ĐH10QTDL9	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thủy					6,7,8,9,10	A.105									
850	ĐH10QTDL9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly							6,7,8,9	A.203							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần											Ghi chú					
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy		Phòng	Chủ nhật	Phòng		
913	ĐH10LQ1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tâm							1,2,3	A.505									
914	ĐH10LQ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền			2,3,4,5	A.505													
915	ĐH10LQ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền			1,2,3,4,5	A.505													
916	ĐH10LQ1	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Văn Minh	1,2,3	A.505															
917	ĐH10LQ1	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Văn Minh							1,2,3	A.505	1,2,3	A.505							
918	ĐH10LQ1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đỗ Thị Đình							4,5	A.505	4,5	A.505							
919	ĐH10LQ1	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Mai									1,2,3	A.505							
920	ĐH10LQ2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhân									1,2,3	CS1							
921	ĐH10LQ2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu					7,8,9,10	A.505											
922	ĐH10LQ2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu					6,7,8,9,10	A.505											
923	ĐH10LQ2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng							6,7,8	A.505									
924	ĐH10LQ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền			6,7,8,9	A.505													
925	ĐH10LQ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền			6,7,8,9,10	A.505													
926	ĐH10LQ2	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trương Thị Hương	6,7,8	A.505															
927	ĐH10LQ2	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Trương Thị Hương							6,7,8	A.505	6,7,8	A.505							
928	ĐH10LQ2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đỗ Thị Đình Đinh Mai Thanh							9,10	A.505	9,10	A.505							
929	ĐH10LQ2	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Mai									6,7,8	A.505							
930	ĐH10LQ3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy									1,2,3	CS1							
931	ĐH10LQ3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung							7,8,9,10	A.506									
932	ĐH10LQ3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung							6,7,8,9,10	A.506									
933	ĐH10LQ3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thủy									6,7,8	A.506							
934	ĐH10LQ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh					6,7,8,9	A.506											
935	ĐH10LQ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh					6,7,8,9,10	A.506											
936	ĐH10LQ3	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến			6,7,8	A.506													
937	ĐH10LQ3	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến	6,7,8	A.506							6,7,8	A.506							
938	ĐH10LQ3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh	9,10	A.506							9,10	A.506							
939	ĐH10LQ3	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hà Quỳnh Mai	6,7,8	A.506															
940	ĐH10LQ4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tiến	8,9,10	CS1															
941	ĐH10LQ4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng							2,3,4,5	A.506									
942	ĐH10LQ4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng							1,2,3,4,5	A.506									
943	ĐH10LQ4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Quang Phương									1,2,3	A.506							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần											Ghi chú			
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bảy		Phòng	Chủ nhật	Phòng
1006	ĐH10QB	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Lý			6,7,8	A.306											Ghép ĐH10QTKD3
1007	ĐH10QB	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	2,3,4,5	A.203													Ghép ĐH10ĐA1
1008	ĐH10QB	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	21/12 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	1,2,3,4,5	A.203													
1009	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy						1,2,3	A.710								Ghép ĐH10QTKS3
1010	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy						4,5	A.710								
1011	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy						2,3,4,5	A.710								
1012	ĐH10QB	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thu Hà				6,7,8	A.308										Ghép ĐH10M2
1013	ĐH10QB	Cơ sở địa lý biển và đại dương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Vũ Văn Lân								6,7,8,9	C.306						
1014	ĐH10KD	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Ngô Thị Mến Thương	1,2,3	A.305													Ghép ĐH10QTKD2
1015	ĐH10KD	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan						6,7,8,9	C.304								Ghép ĐH10C7
1016	ĐH10KD	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan						6,7,8,9,10	C.304								
1017	ĐH10KD	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền				6,7,8	C.304										Ghép ĐH10C7
1018	ĐH10KD	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							1,2,3	A.701							Ghép ĐH10QTKS1
1019	ĐH10KD	Tin học đại cương	2	LT	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							4,5	A.701							
1020	ĐH10KD	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							2,3,4,5	A.701							
1021	ĐH10TD	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Lan			6,7,8	A.305											Ghép ĐH10QTKD1
1022	ĐH10TD	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan					6,7,8,9	C.301									Ghép ĐH10C6
1023	ĐH10TD	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan					6,7,8,9,10	C.301									
1024	ĐH10TD	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền						2,3,4,5	A.1005B								Ghép ĐH10C3
1025	ĐH10TD	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà						6,7,8	A.910								Ghép ĐH10QTDL4
1026	ĐH10TD	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà						9,10	A.910								
1027	ĐH10TD	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà						6,7,8,9	A.910								
1028	ĐH10TD	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Đặng Trần Chiến							2,3,4,5	A.501							Ghép ĐH10M1
1029	ĐH10TD	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đặng Trần Chiến							1,2,3,4,5	A.501							

Nơi nhận:

- Trường các đơn vị trực thuộc Trường;
- Công khai trên website;
- Lưu: VT, ĐT.VH (2).

HIỆU TRƯỞNG**Hoàng Anh Huy**